

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THỊ XÃ PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 52/2006/NQ-HĐND

Thị xã Phú Thọ, ngày 28 tháng 12 năm 2006

NGHỊ QUYẾT
Về quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội
thị xã Phú Thọ đến năm 2020

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ THỌ
KHÓA XVIII, KỲ HỌP THỨ CHÍN

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ Nghị quyết số 16/NQ-TU ngày 02/5/2003 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Phú Thọ về xây dựng và phát triển thị xã Phú Thọ giai đoạn 2003 - 2010;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thị xã Phú Thọ lần thứ XX nhiệm kỳ 2005 - 2010;

Sau khi xem xét Tờ trình số 116/TT-UBND ngày 22/12/2006 của UBND thị xã Phú Thọ và Báo cáo quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thị xã đến năm 2020; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội và thảo luận,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Tán thành thông qua tờ trình quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thị xã Phú Thọ đến năm 2020 với các nội dung chủ yếu sau:

I - THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA THỊ XÃ PHÚ THỌ THỜI KỲ 2001 – 2005

1. Mức tăng trưởng và quy mô kinh tế thị xã đóng góp vào sự tăng trưởng của tỉnh

Kể từ khi tái lập tỉnh Phú Thọ (1-1997) đến nay, đặc biệt là thời kỳ 2001 - 2005, tốc độ tăng trưởng của thị xã ở mức khá; bình quân đạt 12,3%/năm, đặc biệt lĩnh vực thương mại - dịch vụ tăng 18,75%/năm. Thu ngân sách thị xã tăng bình quân 23,3%/năm.

Tuy nhiên thị xã mới đóng góp được khoảng 2% giá trị sản xuất với tỉnh, trong khi dân số chiếm 4,75% dân số toàn tỉnh; kim ngạch xuất khẩu hầu như không đáng kể so kim ngạch xuất khẩu của tỉnh (0,88%). Thu ngân sách trên địa bàn chiếm 4,7% thu ngân sách của tỉnh.

2. Cơ cấu kinh tế của thị xã bước đầu có chuyển dịch theo hướng tích cực, nhưng còn chưa thể hiện rõ lợi thế so sánh của thị xã

Tỷ trọng TM - DV từ 34,7% năm 2001 lên 43,6% năm 2005; tỷ trọng NLN tương ứng từ 24,7% năm 2001 còn 19,2% năm 2005; tuy nhiên tỷ trọng CN - TCN giảm, từ 40,6% năm 2001 còn 37,2% năm 2005.

Thực trạng phát triển kinh tế xã hội của thị xã, nhìn chung chưa đáp ứng được yêu cầu: Công nghiệp nhỏ bé về quy mô, phân tán, trình độ công nghệ lạc hậu, sản phẩm thiếu sức cạnh tranh; NLN chưa phát huy được lợi thế cận đô thị, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, nông nghiệp còn chậm; nguồn lực đầu tư ít và chưa thu hút được các nguồn đầu tư... Hạ tầng kinh tế - xã hội còn thiếu và chưa đồng bộ.

II - PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA THỊ XÃ ĐẾN NĂM 2020

1. Phân tích, dự báo tác động của bối cảnh quốc tế và trong nước:

Trong những năm tới tình hình khu vực và quốc tế, trong nước có nhiều thuận lợi, thời cơ và nhân tố tích cực: Việt Nam hội nhập quốc tế trên các lĩnh vực nhất là kinh tế khi gia nhập WTO, tạo được sự thu hút đầu tư và thị trường xuất khẩu. Tuy nhiên, vẫn còn tiềm ẩn và đan xen những yếu tố tiêu cực, vì vậy thị xã cần triệt để tận dụng thời cơ, có giải pháp hợp lý để bứt phá phát triển kinh tế - xã hội.

2. Quan điểm về phát triển

2.1. Phát triển thị xã với tầm nhìn dài hạn; hướng tới văn minh, hiện đại, giữ được bản sắc riêng của thị xã.

2.2. Phát triển thị xã đảm bảo vị trí, vai trò đối với tỉnh Phú Thọ và vùng Tây Bắc của Tổ quốc; góp phần ngày càng lớn vào sự tăng trưởng của tỉnh và của cả vùng.

2.3. Phát triển thị xã không chỉ mang lại lợi ích của thị xã mà lợi ích cho cả vùng và cả nước.

2.4. Phát triển trên cơ sở nội lực, khai thác lợi thế của thị xã, đồng thời tranh thủ sự giúp đỡ của Trung ương, của tỉnh; thu hút đầu tư từ bên ngoài.

2.5. Phát triển kinh tế gắn với phát triển các lĩnh vực xã hội; đào tạo nguồn nhân lực cho thị xã và cho tỉnh, vùng.

2.6. Phát triển kinh tế xã hội gắn với bảo vệ môi trường, bảo đảm phát triển bền vững.

2.7. Phát triển kinh tế gắn với đảm bảo an ninh, quốc phòng cho cả tỉnh và vùng.

3. Mục tiêu phát triển:

3.1. Mục tiêu tổng quát: Xây dựng thị xã phát triển hiện đại, thực sự là đô thị của vùng và của tỉnh nhưng vẫn có bản sắc riêng, có vai trò ngày càng lớn, góp phần thúc đẩy KT - XH của tỉnh Phú Thọ và vùng Tây Bắc và cả nước cùng phát triển.

3.2. Một số mục tiêu cụ thể:

a) *Mục tiêu kinh tế:*

- Phần đầu nhịp độ tăng trưởng giá trị sản xuất giai đoạn 2006 - 2020 đạt bình quân 19,2%/năm.

- Đưa tỷ trọng giá trị sản xuất của thị xã so với toàn tỉnh từ 2% năm 2005 lên 4,5% vào năm 2020.

- Tỷ lệ đóng góp của thị xã vào quy mô kinh tế của tỉnh đạt khoảng 4,9% giai đoạn 2006 - 2020.

b) *Mục tiêu về phát triển đô thị và kết cấu hạ tầng*

- Thị xã phát triển mở rộng gắn với vùng phụ cận, các khu đô thị cũ được cải tạo, chỉnh trang; các khu đô thị mới được xây dựng hiện đại, có kết cấu hạ tầng đồng bộ. Kiến trúc đô thị có bản sắc riêng.

- Thị xã đạt các tiêu chí của đô thị loại 3 trước năm 2010 và tiến đến nâng cấp đô thị vào năm 2015.

c) *Mục tiêu về xã hội:*

- Mở rộng quy mô và nâng cao chất lượng toàn diện các lĩnh vực giáo dục, đào tạo; khoa học công nghệ, y tế, thể thao... để đáp ứng yêu cầu của đô thị loại 3.

- Giữ gìn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống và phát triển kinh tế xã hội của tỉnh và vùng.

d) *Mục tiêu về an ninh - quốc phòng*

- Là khu vực phòng thủ vững chắc, địa bàn trọng yếu góp phần giữ vững an ninh, quốc phòng cho cả vùng và cả tỉnh.

III - PHƯƠNG ÁN TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ

1. Từ những mục tiêu trên, phương án tăng trưởng giá trị sản xuất của thị xã đến 2020 dự kiến như sau:

	Đơn vị tính	2005	2020	Nhịp độ tăng bình quân hàng năm (%)
* Tổng giá trị sản xuất (CĐ 94)	Tỷ đồng	386,1	5,350	19,2
* Tỷ lệ so với tỉnh	(%)	2,0	4,5	

2. Cơ cấu kinh tế

Cơ cấu kinh tế đến 2020 của thị xã dự kiến như sau:

	2005	2020	Chuyển dịch cơ cấu
Tổng giá trị sản xuất (%)	100	100	100
<i>Trong đó:</i>			
a) Theo 3 nhóm ngành lớn			
- CN - XD	37,6	49,4	+ 11,8
- DV - TM	41,2	46,6	+ 5,4
- Nông lâm nghiệp	21,2	4,0	- 17,2
b) Theo 2 khối ngành (nông nghiệp và phi nông nghiệp)			
- Nông nghiệp	21,2	4,0	- 17,2
- Phi nông nghiệp	78,8	96,0	+ 17,2
c) Theo 2 nhóm ngành dựa vào sản phẩm cuối cùng			
- Sản xuất sản phẩm vật chất	58,8	53,4	- 5,4
- Sản phẩm dịch vụ	41,2	46,6	+ 5,4

3. Các khâu đột phá

3.1. Phát triển công nghiệp, đầu tư xây dựng các cụm công nghiệp; ưu tiên đầu tư các ngành có lợi thế, sản phẩm có sức cạnh tranh; có thị trường tiêu thụ, đóng góp vào tăng trưởng kinh tế, thu hút nhiều lao động, đóng góp vào thu ngân sách thị xã.

3.2. Phát triển thương mại dịch vụ, tập trung phát triển các khu thương mại, chợ đầu mối, tài chính, ngân hàng, dịch vụ...

3.3. Xây dựng chính sách phát triển nguồn nhân lực: Ưu tiên lao động chất lượng cao vào làm việc ở thị xã; xây dựng cơ sở đào tạo lao động có chất lượng cao cho các ngành, các lĩnh vực ở thị xã, cho tỉnh và khu vực.

3.4. Mở rộng không gian đô thị gắn với xây dựng kết cấu hạ tầng hiện đại và đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp cho người dân trong khu vực mở rộng.

IV - PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH, CÁC LĨNH VỰC

1. Phát triển các nhóm ngành chủ yếu với tốc độ tăng bình quân và cơ cấu qua các thời kỳ như sau (%):

	Thời kỳ 2006 - 2020	Trong đó		
		2006 - 2010	2011 - 2015	2015 - 2020
1. CN - XD	21,3	23,3	20,6	20,3
* Tỷ trọng GTSX ở cuối kỳ kế hoạch		47,5	48,4	49,4
2. TM - DV	20,1	18,6	20,8	21
* Tỷ trọng GTSX ở cuối kỳ kế hoạch		41,5	44,3	46,6
3. NLN	6,7	7,0	6,6	6,4
* Tỷ trọng GTSX ở cuối kỳ kế hoạch		11,0	7,3	4,0

Như vậy, từ năm 2010 thị xã đạt được cơ cấu kinh tế theo hướng: CN; TM - DV và NLN.

2. Phát triển văn hóa - xã hội

2.1. Xây dựng thị xã thành 1 trong những trung tâm đào tạo của tỉnh và khu vực.

- Về lâu dài, Trường Đại học Hùng Vương sẽ chuyển về tỉnh, để lại 01 phân hiệu Đại học tại trường hiện nay hoặc hình thành Trường Cao đẳng sư phạm đào tạo giáo viên cho tỉnh và khu vực.

- Nâng cấp đào tạo và quy mô của các trường Cao đẳng y tế, Trung học nông lâm; Trường NLNTW4... hàng năm đào tạo 5.000 - 7.000 học viên đa ngành, đa cấp cho tỉnh và khu vực.

2.2. Xây dựng thị xã thành trung tâm y tế của vùng: Tiếp tục nâng quy mô và chất lượng khám chữa bệnh của 3 bệnh viện của tỉnh đóng trên địa bàn, các hệ thống y tế cơ sở, đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu về khám, điều trị bệnh của nhân dân vùng Tây Bắc của tỉnh và các tỉnh miền núi phía Bắc.

2.2. Xây dựng thị xã thành trung tâm TDTT, văn hóa của tỉnh

- Xây dựng các khu đô thị mới gắn với các thiết chế văn hóa thể thao có quy mô hiện đại đáp ứng với yêu cầu tổ chức thể thao tiêu chuẩn quốc gia: Sân vận động, nhà luyện tập thi đấu; nhà văn hóa, công viên, khu vui chơi giải trí.

V - Phương hướng phát triển hạ tầng kỹ thuật

1. Giao thông

a) *Giao thông đối ngoại:*

+ Đường bộ: Ngoài hệ thống giao thông của Trung ương, tỉnh xây dựng trên địa bàn; thị xã xây dựng tuyến đường nối ra quốc lộ số 2 với mặt cắt 35m, dài 6km và các tuyến đã được phê duyệt trong quy hoạch chung thị xã.

- Xây dựng hệ thống bến xe gồm: Bến xe liên tỉnh và bến xe nội tỉnh.

+ Đường thủy: Xây dựng cảng Ngọc Tháp, công suất 100 nghìn tấn/năm khôi phục hệ thống vận tải đường thủy vận chuyển hàng hóa, hành khách mang tính du lịch.

+ Đường sắt: Nâng cấp hệ thống đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng; nâng cấp và xây dựng ga Phú Thọ và ga hàng hóa Hà Thạch theo quy hoạch đường sắt quốc gia.

b) *Giao thông đô thị:* Nâng cấp, cải tạo các tuyến đường hiện có kết hợp xây dựng mới để tạo thành mạng lưới giao thông đô thị hiện đại.

VI - Định hướng phát triển không gian

1. Hướng phát triển đô thị và phân khu chức năng

a) *Hướng phát triển đô thị*

+ Công nghiệp và hệ thống kho

- Nâng cụm CN Phú Hà lên KCN với quy mô: 450 - 500ha, thu hút các ngành công nghệ tiên tiến, sạch và có quy mô lớn.

- Xây dựng cụm CN - TCN - làng nghề Trường Thịnh; đưa vào những cơ sở sản xuất vừa và nhỏ.

- Bố trí hệ thống kho tàng ở Hà Thạch: Ga hàng hóa và cảng.

+ Giao thông: Như trình bày ở phần trên.

+ Dân cư: Phát triển các khu dân cư tập trung tại các khu đô thị; trung tâm thị xã, hình thành các điểm dân cư ở trung tâm các xã ngoại thị, gắn với các khu dân cư có dịch vụ và các thiết chế văn hóa xã hội tương ứng: Ngân hàng, bưu điện, chợ, trường học, y tế...

b) *Quy hoạch sử dụng đất:* Đất cho xây dựng đô thị đến 2010 dự kiến là 630ha, dự kiến 2020: 1.152ha; dân số đô thị năm 2010 khoảng 85 - 100 nghìn và 2020: 120 - 130 nghìn (không kể dân số quy đổi).

Thị xã quy hoạch và giành quỹ đất thỏa đáng để đón tinh chuyển về thị xã và nâng cấp thành thành phố trong tương lai.

Phần đất tự nhiên chưa sử dụng để phát triển đô thị duy trì sản xuất nông lâm nghiệp theo hướng cận đô thị, đa dạng hóa sản phẩm.

Tạo mọi thuận lợi về mọi mặt kể cả cấp bổ sung đất đai cho các cơ quan, trường học, bệnh viện của TW, tỉnh đóng trên địa bàn nâng cấp và mở rộng quy mô.

VII - Các giải pháp chủ yếu

1. Huy động các nguồn lực đầu tư: Để thực hiện phát triển thị xã theo phương án chọn (PA2), trong giai đoạn 2006 - 2020 thị xã cần số vốn đầu tư khoảng (tính giá 2005): 6.238 tỷ VNĐ tương đương 389 triệu USD. Việc huy động số vốn trên cần tập trung vào các nguồn sau:

- Ngân sách Nhà nước (bao gồm cả ODA) của TW, tỉnh tập trung đầu tư cho hạ tầng và công trình trọng điểm, khoảng 30%.
- Nguồn từ các doanh nghiệp và từ dân khoảng: 40 - 50%.
- Nguồn tín dụng, liên doanh, liên kết và từ bên ngoài kể cả đầu tư nước ngoài khoảng 25 - 30%.

2. Các dự án, chương trình được ưu tiên đầu tư:

a) Phát triển kết cấu hạ tầng

Trong đó:

- Giao thông
- Cấp thoát nước
- Khu nhà ở
- Bảo vệ môi trường
- Điện
- Hạ tầng các khu đô thị mới

b) Chương trình phát triển CN - TCN

- Hạ tầng các cụm CN, trọng tâm là cụm CN Phú Hà

c) Chương trình phát triển dịch vụ

- Xây dựng chợ nông sản đầu mối.
- Nâng cấp chợ trung tâm và hệ thống chợ các xã, phường, các khu dân cư tập trung.

- Hình thành 1 số siêu thị.

d) Chương trình phát triển nguồn nhân lực và các lĩnh vực văn hóa - xã hội

- Nâng cấp và xây dựng hệ thống trường: Phổ thông, dạy nghề, các trung tâm chuyển giao công nghệ.

- Dự án xây dựng phát triển văn hóa, công viên, TDTT.

e) Chương trình phát triển NLN

- Dự án thực phẩm sạch: Thịt, trứng, cá, tôm, rau xanh.
- Dự án trồng hoa, cây cảnh, vườn rừng sinh thái

- Dự án hỗ trợ nông dân bị mất đất do đô thị hóa.

g) Phát triển nguồn nhân lực, kiện toàn bộ máy quản lý

- Đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ cán bộ quản lý từ thị xã đến cơ sở.

- Đào tạo và có chế độ đãi ngộ thu hút người lao động giỏi; có tay nghề cao, nghệ nhân... phục vụ cho thị xã.

- Nâng cao chất lượng công tác cải cách hành chính.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

Hội đồng nhân dân thị xã giao:

+ UBND thị xã Phú Thọ:

- Hoàn chỉnh các thủ tục đề trình UBND tỉnh phê duyệt theo quy định.

- Cân đối các nguồn lực hàng năm, báo cáo HĐND thị xã để có kế hoạch đầu tư theo quy hoạch được duyệt.

- UBND thị xã, UBND các xã, phường tổ chức thực hiện quy hoạch sau khi được UBND tỉnh phê duyệt.

+ Thường trực HĐND thị xã, các Ban, các đại biểu HĐND thị xã giám sát kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được HĐND thị xã khóa XVIII, kỳ họp thứ chín thông qua ngày 27 tháng 12 năm 2006.

CHỦ TỊCH

Lê Kim Khánh (đã ký)